



NHỮNG NGHI LỄ VÒNG ĐỜI CỦA DÂN TỘC NHẬT BẢN

HOÀNG MINH LỢI

Văn hóa Nhật Bản với bản sắc riêng rất đậm nét và có vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của quốc gia, dân tộc. Hơn nữa, qua văn hóa truyền thống có thể thấy được những giá trị dường như trường tồn, một trong số đó là những nghi lễ vòng đời đã góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Nhật Bản. Thật vậy, nghi lễ vòng đời là một trong những biểu hiện sâu đậm về bản sắc văn hóa quốc gia (với nghĩa hẹp còn là văn hóa dân tộc, tộc người) thông qua phong tục tập quán, đời sống tâm linh, tâm lý khiến cho các giá trị văn hóa được lưu giữ bền lâu. Những nghi lễ vòng đời ở Nhật Bản, một mặt, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong từng giai đoạn phát triển của con người; mặt khác, mỗi người trong cuộc đời của mình nhất thiết phải trải qua (ít nhất một đôi lần). Cho dù có sự khác biệt nhất định về nghi thức tiến hành (được quy định bởi yếu tố vùng miền, địa phương) song nội dung cơ bản của những nghi lễ là nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các thế hệ, giữa cá nhân với cộng đồng và đều thông qua phong tục tập quán được coi là “hệ” giá trị trong đời sống của người Nhật Bản.

1. Nghi lễ đặt tên

Thông thường, khi đứa trẻ được 7 ngày tuổi, gia đình sẽ tiến hành nghi lễ đặt tên vào buổi đêm của ngày thứ 7 (Oshima Kenhiko, 1979, tr. 82). Chủ trì nghi lễ là bà đỡ hoặc người đàn ông sống thọ gần nơi cư trú của gia đình đứa trẻ (hoặc của nhà chùa). Những người được mời gồm thông gia bên ngoài, bà đỡ, hàng xóm thân cận và một vài đứa trẻ cạnh nhà. Ngoài việc đặt tên, nghi lễ này còn có mục đích thông báo với tổ tiên về việc ra đời của đứa trẻ, đồng thời mong nhận được sự phù hộ của gia tiên để đứa trẻ khỏe mạnh, hay ăn chóng lớn. Nhìn chung, lễ đặt tên thường được người ta tổ chức khá long trọng (nhất là với trường hợp con đầu lòng) thể hiện qua nghi thức và bữa ăn thịnh soạn gồm nhiều món ăn mà ngày thường không có. Tuy nhiều đồ ăn như vậy song không thể thiếu món cơm đồ đồ vừa để gia đình thưởng thức vừa để biếu những người đến dự với ý nghĩa cảm ơn sự giúp đỡ của họ và tặng quà cho người thân nhân dịp này.

2. Nghi lễ cầu may

Ở Nhật Bản, sau khi trẻ sinh được 30 (hoặc 31 ngày), 51 ngày, 101 ngày, người ta tiến hành nghi lễ cầu may liên quan tới

những dấu mốc quan trọng trong giai đoạn đầu đời của mỗi người (Oshima Kenhiko, 1979, tr. 105). Nghi lễ cầu may thường chỉ tổ chức trong phạm vi gia đình với sự tham gia của ông bà ngoại đứa trẻ. Trong ngày này, trẻ được mặc đồ mới, đẹp, gọi là y phục chúc mừng. Điểm nhấn của nghi lễ này là đứa trẻ được đưa đến đền làm lễ cầu may với mong muốn nhận được sự phù hộ cùng những điều tốt đẹp từ các thần. Sau đó, người ta đưa đứa trẻ về nhà ông bà ngoại để nhận đồ mặc chúc mừng do bên ngoại chuẩn bị và cắt may từ trước. Ông bà ngoại còn có thể cho đứa bé thêm một số thứ khác như: chân nhỏ, bít tất và bao tay. Nghi lễ tiếp tục tại nhà của đứa trẻ thông qua bữa ăn khá thịnh soạn với sự tham gia của họ hàng thân thích. Mọi người cùng chúc phúc, tặng quà cho trẻ và qua đó, kết thúc nghi lễ đánh dấu mốc quan trọng trong đời của mỗi người.

3. Nghi lễ Shichigosan

Shichigosan là nghi lễ chúc mừng khi trẻ lên 3, 5 và 7 tuổi và tên gọi của nghi lễ cũng bao hàm ý nghĩa liên quan tới trẻ ở các độ tuổi này. Người Nhật quan niệm số lẻ là số may mắn nên tiến hành nghi lễ khi bé gái lên 3 và 7 tuổi, bé trai lên 3 và 5 tuổi với mục đích mừng bé khôn lớn hơn trong cuộc đời (Hội Thông tin giáo dục quốc tế, 2003, tr. 58). Nghi lễ Shichigosan thường được tổ chức tại gia đình với sự tham gia của những người họ hàng nội ngoại, bạn bè, hàng xóm thân cận. Với những trẻ lên 3 tuổi, lần đầu tiên được mặc *Kimono* (thông thường là vải bông) có thắt dây lưng. Trong dịp này, trẻ được mặc y phục mới song trẻ em gái thường vận y phục với chất liệu hoa văn, màu sắc đa dạng hơn. Nhìn chung, những

đứa trẻ đến độ tuổi này đều được mặc trang phục truyền thống đẹp nhất để đến đền thờ làm lễ với mong muốn cầu nguyện sức khỏe, gặp nhiều may mắn và ngày càng lớn khôn, trưởng thành. Ngoài ý nghĩa như vậy, nghi lễ đến đền làm lễ còn với mục đích cầu xin sự phù hộ của vị thần cai quản vùng đất đó đồng thời được người trụ trì đền làm lễ rửa tội (*Oharai*) để trừ tai ương, điềm xấu trong chặng đường đời. Tiếp đó, trẻ được bố mẹ tặng kẹo, bánh đựng trong túi vẽ hình hạc và rùa, nhưng quan trọng nhất là phải có kẹo mơ (*Chitose*). Sở dĩ như vậy là bởi “kẹo *Chitose* có hai màu đỏ và trắng thể hiện cho sự may mắn, chứa đựng lời cầu nguyện sức khỏe và trưởng thành cho bé” (United Publishers Inc, 1998, tr. 73). Trẻ được mua, tặng những đồ như vậy còn bởi theo quan niệm của người Nhật Bản, hạc và rùa tượng trưng cho sự trường thọ còn *Chitose* có nghĩa là nghìn năm. Trở về nhà, nghi lễ tiếp tục với việc mọi người mong muốn những điều tốt đẹp nhất đến với đứa trẻ thông qua lời chúc mừng và tặng quà.

4. Nghi lễ thành nhân (*Seijinshiki*)

Trong nghi lễ vòng đời, nghi lễ thành nhân (hay nghi lễ trưởng thành) thường được tiến hành khi con người trưởng thành về mặt giới tính. Nghi lễ này được xem là “cột mốc” rất quan trọng đánh dấu bước ngoặt lớn trong cuộc đời từ khi “còn non dại” để trở thành “người lớn”. Tại Nhật Bản, nghi lễ thành nhân (*Seijinshiki*) rất được coi trọng đến mức được ghi rõ về nguồn gốc, lịch sử hình thành, biến đổi phát triển đến ngày nay.

Về đại thể, nghi lễ thành nhân có nguồn gốc từ một nghi thức cổ xưa gọi là

Genpuku [*Gen* nghĩa là “đầu”, *Fuku* nghĩa là “trang phục” song thực chất là nghi lễ trưởng thành dành cho nam giới (không quy định rõ tuổi) của những gia đình quý tộc và đẳng cấp *Võ sĩ (Samurai)*]. Từ thời kỳ Nara (710 - 794) đến thời kỳ Heian (794 - 1192), lễ thành nhân được tổ chức cho nam giới (13 - 16 tuổi), nữ giới (12 - 14 tuổi). Đến thế kỷ XVI, *Genpuku* đổi thành *Genpukushiki* (*Shiki* nghĩa là nghi lễ) và nghi lễ thành nhân phổ biến tới mọi tầng lớp trong xã hội (Kawashima Chuji và Shimada Atsuhito, 1991, tr. 66). Điểm chung trong nghi lễ đó là nghi thức thay đổi kiểu tóc, trang phục, bỏ tên gọi lúc còn nhỏ, đặt tên mới (của người lớn), qua đó có vị trí, trách nhiệm như một nam thanh niên đã trưởng thành. Nghi thức đối với nữ giới có phần đơn giản hơn khi họ chỉ từ bỏ những trang phục của trẻ nhỏ để vận những bộ trang phục của người lớn. Có thể nói, *Genpukushiki* chính là tiền thân của *Seijinshiki* với nghi thức tiến hành khá thống nhất tới thời kỳ Edo (1603 - 1868). Điểm nổi bật trong buổi lễ đó là nghi thức xác định một người đã trưởng thành bằng cách cắt đi phần tóc ở phía trước trán của họ. Tới thời Cận đại (1868 - 1945), nghi lễ thành nhân có sự thay đổi về một số quy định trong nghi thức và độ tuổi tăng lên từ 18 đến 20 tuổi song tinh thần cơ bản của nghi lễ vẫn như trước. Từ năm 1948, nghi lễ thành nhân được luật pháp qui định “ngày 15 tháng 1 là ngày dành để chúc mừng, khích lệ thanh niên nhận ra rằng họ đã trở thành người lớn và đã đến lúc bắt đầu một cuộc sống tự lập”, do đó, nghi lễ này được tổ chức vào ngày 15 tháng 1 hàng năm đối với những người bước vào tuổi 20. Tuy nhiên, từ năm 2000, luật pháp quy định lễ thành nhân được tổ chức

vào thứ hai của tuần thứ 2 của tháng 1 hàng năm đối với những người đã đến tuổi 20. Sở dĩ có sự thay đổi này là dựa vào hệ thống ngày “Thứ hai vui vẻ” (Happy Monday System), hay theo cách gọi của người Nhật là “Thế chế ngày thứ hai vui vẻ” (Happi Mande Seido) để sửa đổi ngày lễ quốc gia, cho phép chuyển một số ngày lễ sang thứ hai kết hợp với thứ bảy và chủ nhật để người dân có 3 ngày nghỉ liên tiếp.

Xưa kia, nghi lễ thành nhân diễn ra tại các đền thờ, những người tham dự đều mặc trang phục truyền thống đẹp và sang trọng nhất bởi đây là cơ hội duy nhất trong đời. Đối với nữ giới, trang phục sẽ là *Furisode* (một loại *Kimono*) đặc trưng với ống tay dài chỉ có trong nghi lễ thành nhân, còn nam giới mặc lễ phục truyền thống (*Haori* và *Hakama*). Những người tham gia đều tự tay chọn những tấm bùa thiếp (bán trước cổng đền), viết những điều mong ước của riêng mình rồi treo trên giá trong đền với hy vọng tất cả sẽ thành hiện thực trong cuộc đời. Sau khi nghi thức cầu phúc tại đền thờ, nghi lễ cơ bản kết thúc nhưng với nhiều người nghi lễ chỉ thật sự chấm dứt cùng với những bữa tiệc mừng với bạn bè và người thân trong gia đình. Sau nghi lễ thành nhân, nam nữ đủ 20 tuổi được công nhận là đã trưởng thành và kể từ lúc đó, họ có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân theo quy định của luật pháp, đồng thời phải chịu mọi trách nhiệm với hành vi của mình trước pháp luật và xã hội.

5. Nghi lễ hôn nhân

Không thể phủ nhận rằng hôn nhân là việc hệ trọng trong đời người cho dù có sự biến đổi ít nhiều về sự tác động của yếu tố

thời đại đi chẳng nữa. Hơn nữa, các nghi thức của hôn nhân không chỉ ghi dấu mốc son mà còn là ngày đại lễ hội của một đời người. Song, cần thấy rằng, Nhật Bản không phải quốc gia đa dân tộc, cho nên sự khác biệt trong nghi lễ hôn nhân chủ yếu là do sự “chi phối” của phong tục tập quán địa phương, vùng miền hơn là nhân tố tộc người. Tuy nhiên, nghi lễ hôn nhân theo mô thức truyền thống hầu như vẫn tuân thủ theo nghi thức của Thần đạo (*Shinto*) với các bước như sau:

Trước hết, ngày tiến hành lễ ăn hỏi cũng như hôn lễ đều được lựa chọn rất cẩn thận để tránh những ngày mang điềm xấu, gỡ ảnh hưởng tới việc đại sự. Trước hôn lễ chính thức một ngày, cô dâu (*Hanayome*) phải thực hiện các nghi thức như đến đền thờ làm lễ, tổ chức bữa tiệc chia tay với cha mẹ và hàng xóm bởi lẽ các nghi lễ trong ngày cưới chủ yếu diễn ra tại nhà chú rể (*Hanamuko*). Trong lễ cưới, cô dâu mặc *Kimono* màu trắng nhằm biểu hiện sự thanh khiết của cơ thể và tâm hồn còn chú rể vận lễ phục truyền thống *Haori* và *Hakama*.

Qua trang phục của cô dâu cho thấy, màu trắng thể hiện rõ từ khấn đội đầu, váy áo, tất tay, chân, ~~thậm chí~~ dép, guốc ~~cũng một màu như vậy~~. Trên thực tế, trang phục của cô dâu rất cầu kỳ về kiểu dáng, từ đồ đội đầu, kiểu tóc, trâm cài, giày, dép, các đồ trang sức... Sự khác nhau giữa gia đình thượng lưu và bình dân biểu hiện rất rõ qua bộ trang phục cưới từ đồ đội đầu đến chất liệu vải, đồ trang sức, giày, dép... Trang phục cưới không chỉ là một bộ và một kiểu trang điểm duy nhất mà ~~phải được~~ thay đổi tùy theo trình tự trong lễ cưới, song dù thế nào thì màu trắng vẫn là cơ bản nhất. Chính

vì lẽ đó, khi về nhà chồng, cô dâu phải mặc trang phục thuần khiết màu trắng mà không phải là màu khác.

Qua trang phục của chú rể, còn có thể thấy được vị trí, tính chất của thành phần, giai tầng xã hội ở trong đó. Thông thường, chú rể mặc áo khoác dài màu đen (*Haori*), váy dài xếp nếp (*Hakama*) nền trắng sọc đen, đi dép xỏ quai. Ở ~~còn~~ gia đình giàu có, thượng lưu, ~~thì~~ chú rể mặc áo khoác dài có hoa văn màu đen, thắt dây lưng cứng dệt bằng sợi tơ tằm (*Kakuobi*), mặc *Hakama* truyền thống, bên ngoài mặc áo khoác ngắn màu đen. Điểm khác biệt dễ nhận thấy là nguyên liệu may trang phục của chú rể thuộc tầng lớp thượng lưu, giàu có đất và hiếm ~~cùng-kèm theo~~ sự cầu kỳ hơn so với tầng lớp bình dân. Điểm chung ở trang phục chú rể là ~~trong ngày này~~ không mặc vải hoa văn đốm trắng.

Trước khi tiến hành nghi lễ thề ước, cả đôi tân hôn, người đại diện của đền thờ sẽ thực hiện nghi lễ với ý nghĩa về sự trong sạch theo quan niệm của Thần đạo. Trong nghi lễ thề ước, cô dâu và chú rể giao uống với nhau chén rượu ngày cưới theo nghi thức *Sansankudo* (*San* là số 3, *Ku* là số 9, *Do* là sự kết thúc), nghĩa là uống 3 ngụm. Theo đó, cô dâu và chú rể 3 lần nhấp rượu (*Sake*) trong một bộ 3 chiếc chén từ nhỏ đến lớn. Như vậy, *Sansankudo* bao hàm ý nghĩa: 3 ngụm đầu tiên thay mặt cho cô dâu chú rể và bố mẹ hai bên; 3 ngụm tiếp theo tượng trưng cho uống cạn đi lòng hận thù, đối trá; *Ku* là con số 9 may mắn trong quan niệm của người Nhật Bản; *Do* đánh dấu sự kết thúc bằng sự hòa hợp của hai tâm hồn con người (Fukunaga Mitsuji, 1982, tr. 128).

Formatted: No underline

Formatted: No underline

Formatted: No underline

Tiếp đó là nghi thức giới thiệu gia đình hai họ để rồi người thân của cô dâu, chú rể mời rượu nhau. Sau nghi lễ quan trọng dành cho đôi tân hôn kết thúc, tiệc cưới bắt đầu. Theo tập quán, sau lễ cưới một vài ngày, cô dâu trở về nhà bố mẹ đẻ, mang theo quà cho người thân, bạn bè, đồng thời phải đi chào hỏi, cảm ơn những người hàng xóm xung quanh.

Điểm đặc biệt là ở Nhật Bản tồn tại hai hình thức hôn nhân chủ yếu: hôn nhân sắp đặt (do mai mối) và hôn nhân tự do (lựa chọn theo tình yêu). Bên cạnh nghi lễ hôn nhân truyền thống theo nghi thức của Thần đạo, còn có các hình thức kết hôn theo kiểu hiện đại (theo nghi thức Ki-tô giáo, Phật giáo, thông thường).

6. Nghi lễ tang ma

Với bất kỳ ai, cái chết là điều không tránh khỏi nhưng ở mỗi quốc gia, dân tộc, quan niệm và cách thức tiến hành nghi lễ tang ma đều có sự khác biệt. Người Nhật Bản coi nghi lễ tang ma rất quan trọng trong cuộc đời con người. Do đó, trình tự của các nghi lễ tang ma (từ khi phát tang đến khi mai táng kết thúc) đều phải tuân thủ những quy định của luật pháp và phong tục tập quán của dân tộc. Có thể thấy, nghi lễ tang ma của Nhật Bản cũng có sự khác biệt bởi yếu tố vùng miền nhưng nhìn chung không quá lớn. Sự khác biệt dễ thấy nhất là ở hình thức mai táng (thổ táng hay hỏa táng), cách thức tiến hành tang lễ (tại nhà hay ở chùa). Hầu hết tang lễ ở Nhật Bản tiến hành theo nghi thức Phật giáo nếu như không có yêu cầu đặc biệt về tôn giáo của người đã khuất. Cùng với đó, những kiêng kỵ xung quanh nghi lễ tang ma cũng được mọi

người tuân thủ nhằm tránh sự không may cho tang chủ, gia đình, dòng tộc người đã khuất. Sau khi tắm rửa cho người đã khuất, người ta dùng vải bông trắng khâu liệm rồi mặc trang phục *Kimono* màu trắng, mặc mặt trái và từ bên trái trước. Áo được vắt, buộc về bên trái đồng thời tránh sử dụng kéo mà chủ yếu là dùng hồ dán lại. Tóm lại, trang phục của người chết hoàn toàn màu trắng, cả thắt lưng, mũ, bao tay, bít tất cũng vậy.

Trong nghi lễ tang ma, những người tham dự, phúng viếng thường mặc tang phục màu trắng. Người có quan hệ thân thuộc với người đã khuất phải mặc tang phục màu trắng từ mũ cho đến dây lưng, bít tất. Từ khi mai táng đến ngày thứ 7, người trong gia đình phải tiến hành nghi lễ thắp hương, đốt đèn tại phần mộ người đã khuất. Ngày thứ 35 (kể từ ngày mai táng) gọi là ngày “kỵ húy” (*Kichu*), các thành viên trong gia đình thực hiện lễ tắm với quan niệm “gột rửa” những điều không may. Tiếp đó, người trong gia đình, dòng họ và khách mời tổ chức nghi lễ cúng ngày “kỵ húy” với ý nghĩa sẽ tiếp tục tuân thủ những kiêng kỵ như tập quán quy định. Phải tới ngày thứ 49, gia đình có người đã khuất làm lễ *Kiake* với ý nghĩa kết thúc thời gian mặc tang phục và những kỵ húy liên quan. Đồ cúng trong lễ *Kiake* trang trọng, thịnh soạn hơn ngày *Kichu* với sự tham dự của những người đã có mặt trong lễ 35 ngày. Đồ cúng quan trọng nhất trong lễ này là bánh lười bò (*Noshimochi*) được làm từ bột gạo, gồm 49 cái xếp trong làn tre để mang đến chùa làm lễ. Chỉ có một cái bánh giầy to gọi là *Ofukumochi* (bánh đại phúc) được cắt thành 48 miếng để ở nhà cúng lễ. Theo quan niệm,

khí giã bánh cho nghi lễ *Kiake*, dưới cối không được lót, trải rơm và phải đi chân đất giã bánh, vì vẫn phải kiêng trong thời gian “ky húy” (Oshima Tatehiko, 1993, tr. 331).

Nhìn chung, nghi lễ tang ma của dân tộc Nhật Bản không chỉ biểu hiện ở tính cộng đồng mà còn bao hàm ý nghĩa cảm thông, chia sẻ của mọi người trước sự mất mát tới thân nhân của người đã khuất. Qua đó, còn là mong muốn người đã khuất được siêu thoát đồng thời phù hộ cho những người đang sống sự bình yên và may mắn trong cuộc đời.

7. Nghi lễ lên lão

Nghi lễ lên lão (*Kanreki*) rất quan trọng trong cuộc đời mỗi người khi bước vào tuổi 60. Người đến tuổi lên lão sẽ được người trong gia đình, dòng tộc tổ chức lễ mừng chủ yếu diễn ra tại nhà. Tại nghi lễ này, người lên lão trong trang phục trang trọng, thường là lễ phục truyền thống, ngoài khoác áo *Ponshin* (một kiểu áo không có ống tay) ngồi trên đệm bông trước bàn thờ hay nơi trang trọng nhất của ngôi nhà như gian chính chẳng hạn. Mọi người trong gia đình, dòng họ và khách mời lần lượt đến biểu tặng quà cùng lời chúc mừng của họ đối với chủ nhân. Sau nghi thức này là lễ tiệc mừng với những mâm cỗ thịnh soạn.

Nhìn chung, trang phục của lễ lên lão với gam màu chủ đạo là màu đỏ. Theo quan niệm xưa, màu đỏ biểu hiện cho sự vận động liên tục và tràn đầy sức sống dẻo dai. Ngoài ra, đó còn là sự trải nghiệm, sự bền bỉ của mỗi con người trong suốt cuộc đời (Sansom, 1990, tr. 75). Như vậy, màu đỏ được hiểu là màu của tuổi già, lên lão nhưng phải chăng

đó còn là sự cầu chúc cho những gì tốt đẹp đã qua và mong muốn tiếp tục có được điều đó trong sự bền bỉ mà yên lành ở phần đời còn lại.

8. Biến đổi của các nghi lễ

Những nghi lễ vòng đời của dân tộc Nhật Bản có thể khẳng định là một phần không thể tách rời của nền văn hóa quốc gia. Tuy nhiên, qua quá trình lịch sử, những nghi lễ này không phải bất biến mà luôn biến đổi cho phù hợp với nhân tố thời đại.

Những nghi lễ từ khi sinh ra tới tuổi trưởng thành đã có từ rất lâu được lưu truyền qua nhiều thế hệ và là một nét đẹp trong văn hóa truyền thống của dân tộc Nhật Bản. Tuy nhiên, ở những nghi lễ đặt tên, cầu may, *Shichigosan* dường như ít có sự thay đổi trong nghi thức tiến hành mà thấy rõ nhất ở thành phần đồ lễ cúng với khá nhiều đồ lễ vật mới. Không khó lý giải về sự biến đổi này bởi cuộc sống của người Nhật Bản ngày càng được nâng cao.

Những biến đổi trong nghi lễ thành nhân biểu hiện rõ nhất ở các khía cạnh: độ tuổi quy định của người tham gia, trang phục trong nghi lễ và địa điểm tổ chức. Trước đây, đối tượng được dự nghi lễ thành nhân là người tròn 20 tuổi tính từ ngày kế tiếp của lễ thành nhân năm trước đó đến ngày lễ thành nhân của năm hiện hành. Tuy nhiên, thời gian gần đây, cách tính tuổi đã thay đổi; theo đó, những người tròn 20 tuổi từ ngày 2 tháng 4 năm trước đến ngày 1 tháng 4 của năm hiện hành sẽ được tham dự nghi lễ thành nhân. Không chỉ vậy, đối tượng tham gia nghi lễ cũng còn được mở rộng với người nước ngoài (đủ 20 tuổi) nếu như có đăng ký lưu trú tại nơi tổ chức

nghi lễ (sẽ nhận được giấy mời từ chính quyền sở tại).

Trước kia, bộ *Kimono* của nữ giới trong nghi lễ thành hôn thường do bố mẹ mua tặng hoặc được thừa hưởng từ gia đình. Tuy nhiên, bộ trang phục truyền thống rất đắt nên người tham gia thường mượn từ người khác hoặc thuê hơn là mua riêng cho dịp này. Ngày nay, nam giới cũng vậy, thay vì vận lễ phục truyền thống, đa số mặc lễ phục của phương Tây (*Vest*). Nếu như xưa kia, đền thờ là nơi tổ chức nghi lễ thành hôn thì ngày nay, địa điểm tiến hành nghi lễ này rất đa dạng như: nhà hát, công viên, sân vận động, tòa thị chính thành phố, quận, huyện... Thông thường, buổi lễ diễn ra vào buổi sáng, các nhà chức trách đọc diễn văn; sau đó, họ tặng một món quà (thường là món tiền nhỏ) cho những người trưởng thành. Sau nghi lễ, những người tham gia tập trung thành nhóm để tổ chức tiệc tùng với người thân và bạn bè nhằm ghi nhớ thời khắc trọng đại này.

Tại Nhật Bản, thời gian gần đây, nghi lễ hôn nhân theo phong cách phương Tây khá phổ biến với hôn lễ thường được tổ chức tại nhà thờ (cho dù nhiều người không theo tôn giáo nào) hoặc là các khách sạn, nhà hàng thậm chí ở phòng cưới đặc biệt. Tại các địa điểm này (ngoài nhà thờ), nhiều người lại tiến hành các nghi thức theo nghi lễ Thần đạo. Lễ ăn hỏi (*Yaino*) cũng thay đổi so với trước kia. Trên thực tế, nghi lễ này giúp chính thức hóa quan hệ của hai họ với việc hai gai đình gặp nhau tại bàn tiệc, trao đổi quà tặng, chuẩn bị cho hôn lễ sắp tới. Thông thường, nhà trai sẽ đưa tiền và lễ vật tượng trưng cho sự may mắn, chẳng hạn như *Kombu* (rong biển) là biểu tượng của

sự làm ăn phát đạt lâu dài. Nhà gái sẽ tặng lại một món quà tương đương với nửa giá trị lễ vật họ nhận được. Song, ngày nay, lễ này dường như bị lược bỏ, thay vào đó chàng trai tặng cô gái chiếc nhẫn đính hôn và nhận được một món quà của cô gái.

Không chỉ vậy, các nghi thức trong hôn lễ ngày nay cũng ít nhiều thay đổi nhằm phù hợp với thời đại, phong cách mới từ khâu mời khách, vị trí ngồi, thực đơn, tặng quà kỷ niệm cho khách mời v.v... Song, điểm đáng lưu ý là, xuất hiện loại hình dịch vụ cho thuê người tới dự hôn lễ và dịch vụ này có xu hướng ngày càng tăng. Như vậy, người dự nghi lễ hôn nhân truyền thống xưa kia nhiều khi được thay bằng những vị khách đóng làm bạn bè, thành viên gia đình và đồng nghiệp.

Khi xem xét các yếu tố biến đổi trong nghi lễ tang ma của Nhật Bản có thể nhận thấy dường như chỉ biến đổi về các thành tố liên quan tới sự phát triển kinh tế - xã hội còn bản chất vẫn được duy trì một cách bền vững. Các nghi thức chính trong tang ma vẫn được duy trì trong khi những thay đổi về tiểu tiết đều nhằm phù hợp với xu hướng của thời đại ngày nay. Trang phục của người thân với người đã khuất cũng như người đi phúng viếng đã “chuyển” từ màu trắng sang màu đen và trở thành tập quán như hiện nay. Ở Nhật Bản, nghi lễ hỏa táng hầu như thay đổi cho nghi lễ thổ táng và cùng với đó là chi phí dịch vụ mai táng, thậm chí thuê người tham dự phúng điệu ngày càng tăng nhanh. Chính những biến đổi như vậy trong nghi lễ tang ma đã tạo nên gánh nặng tài chính đối với nhiều gia đình hiện nay.

Nghi lễ lên lão của người Nhật Bản không những không mất đi mà còn phát triển lên một hình thức mới nhằm thể hiện lòng tôn kính người già, người cao tuổi thông qua ngày kính lão tổ chức thường niên. Trong thời gian 1966 - 2002, ngày kính lão trở thành ngày Quốc lễ, được tổ chức vào ngày 15 tháng 9 hàng năm. Từ năm 2003 đến nay, ngày kính lão được quy định tổ chức vào thứ hai của tuần thứ 3 của tháng 9 [Richard và Peter (Chủ biên), 1995, tr. 81]. Vào ngày này, mọi người nghỉ việc, chính quyền các cấp tổ chức nhiều hoạt động cho người già như tặng quà lưu niệm. Các gia đình có người cao tuổi vẫn tiến hành nghi lễ chúc thọ với những thay đổi về độ tuổi (thường từ 70 tuổi trở lên), cách thức tiến hành khác ít nhiều so với lễ lên lão trước kia, nhưng ý nghĩa cốt lõi hầu như không thay đổi.

9. Kết luận

Những nghi lễ vòng đời của dân tộc Nhật Bản chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa truyền thống đặc sắc còn lưu giữ đến ngày nay. Qua những nghi lễ này có thể thấy được quan niệm của người Nhật Bản về con người, thế giới xung quanh cũng như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán v.v... Các yếu tố này không chỉ là những nét văn hóa của quốc gia, dân tộc mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc thống nhất về ý thức cộng đồng trong lịch sử đến ngày nay.

Sự biến đổi của những nghi lễ là không thể phủ nhận song bản chất đích thực vẫn được lưu giữ, bảo tồn và phát huy nhân tố tích cực đến ngày nay. Mặc dù có một số tồn tại khi đặt trong bối cảnh thời đại toàn cầu hóa, song từ lâu đời những nghi lễ vòng

đời của dân tộc Nhật Bản đã trở thành nhân tố không thể thiếu trong đời sống cộng đồng và luôn gắn liền với đặc trưng văn hóa của quốc gia này. Do đó, vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa của người Nhật Bản được khẳng định rằng cần phải gắn với việc duy trì những nghi lễ vòng đời người bởi nếu những nghi lễ này bị mai một, tất sẽ mất đi tính truyền thống trong văn hóa cũng như nét đẹp và bản sắc của quốc gia, dân tộc đã có từ xa xưa.

Tài liệu tham khảo

1. Fukunaga, Mitsuji (1982), *Đạo giáo và văn hóa Nhật Bản*, Công ty cổ phần Kahoku, Tokyo (Tiếng Nhật).
2. Hội Thông tin Giáo dục quốc tế (ISEI) (2003), *Tìm hiểu Nhật Bản*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Kawashima, Chuji và Shimada Atstuhito (1991), *Tìm hiểu văn hóa Nhật Bản - Từ Hokkaido đến Okinawa*, Công ty cổ phần Kotoku, Tokyo (Tiếng Nhật).
4. Oshima, Kenhiko (1979), *Dân tộc Nhật Bản, Quyển 6, Các nghi lễ trong năm*, Nxb Yusheido, Tokyo (Tiếng Nhật).
5. Oshima, Tatehiko (1993), *Thần đạo và thổ táng*, Công ty cổ phần Mitsushoi, Tokyo (Tiếng Nhật).
6. Richard, Bowring và Kornicki, Peter (Chủ biên) (1995), *Bách khoa thư Nhật Bản*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, Hà Nội.
7. Sansom, G.B. (1990), *Lược sử văn hóa Nhật Bản*, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. United Publishers Inc. (1998), *Nhật Bản tăng cường hiểu biết và hợp tác bước chuyển biến hướng tới thế kỷ 21*, Tokyo.